

Phần 6
GIỐNG LÚA CANH TÁC TRONG ĐIỀU KIỆN KHÓ KHĂN

A. CÁC GIỐNG LÚA MÙA ĐỊA PHƯƠNG

Bảng 6-1: Giống lúa hiện canh tác ở vùng đất phèn bị nhiễm mặn (điều tra 1998)

Giống	Địa điểm lấy mẫu	pH		Năng suất (tấn / ha)
		Đất	Nước	
	Phú Xuân, Nhà Bè, HCM	5,5	6,5	4,5
Tiêu chùm	Long Thành, Đồng Nai	4,5	5,5	4,0
Bắc Ri	Long Thành, Đồng Nai	4,2	4,5	4,0
Cuống trâu	Long Thành, Đồng Nai	4,5	4,3	4,0
Hoa Lài	Pháo đài, Hà Tiên, K.Giang	3,0	3,6	3,8
MoiMia	Bến Lức, Long An	5,2	5,6	4,0
Lúa Thước	Cần Giuộc, Long An	5,2	5,9	3,5
Nàng thơm Chợ Đào	Pháo đài, Hà Tiên, K.Giang	4,0	4,2	3,5
Boroi cua	Pháo đài, Hà Tiên, K.Giang	4,5	4,8	3,5
Komka	Bến Lức, Long An	3,0	3,5	2,5
Đốc Phụng				

Kết quả phân tích chất lượng của các giống lúa mùa ĐBSCL điều tra năm 1998 cho thấy: hàm lượng amylose hầu hết các giống trong bảng 6-1 đều thuộc nhóm dính dẻo, mềm cơm đến cứng cơm (3.80- 31.23%). Riêng các loại nếp thì hàm lượng amylose trên 9.89%, thay vì 2-3% theo tiêu chuẩn phân nhóm, bởi vì tính chất không thuần nhất trong tập đoàn nếp địa phương (hạt bị lẫn với gạo tẻ).

Nông dân gìn giữ nguồn tài nguyên di truyền này, ngoài ý nghĩa trồng các giống thích nghi với điều kiện môi trường, giá trị kinh tế, mà còn nhằm mục đích duy trì truyền thống lễ hội, đám giỗ, hợp với khẩu vị địa phương. Đây có thể được xem như những vật liệu quý hiếm, rất có ích cho chương trình lai tạo giống lúa mới.

Các giống lúa thơm cũng được gìn giữ như : Nhen thơm (An giang) Nàng thơm chợ Đào (Mỹ Lệ , Long An), Nếp thơm (Mỹ Xuyên, Sóc trăng), Hoa Lài (Long thành , Đồng Nai.) rất ngon cơm .Đặc biệt vùng lúa thơm được phát triển và duy trì khá điển hình là Long An, T.P Hồ Chí Minh, và một số huyện Tri Tôn, Tịnh Biên của Tỉnh An Giang.

B. CÁC GIỐNG TRUNG MÙA

Giống lúa **IR42** có nguồn gốc từ Viện lúa Quốc tế có tính thích nghi vùng đất phèn bị nhiễm mặn ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long, được Viện lúa ĐBSCL du nhập vào những năm 1980, được công nhận giống quốc gia năm 1985. IR42 được trồng phổ biến tại Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng và một vài vùng ven biển của tỉnh khác. Đây là giống cao sản có thời gian tồn tại trên đồng ruộng lâu nhất hiện nay.

Giống IR42 có thời gian sinh trưởng 140 ngày thuộc nhóm trung mùa, có dạng hình gọn, đẽ nhánh tốt, hạt nhỏ, trọng lượng 1000 hạt 23gr. Chiều cao cây 110 cm và độ dài bông 24.3cm. Hạt thon dài, nhưng chiều dài hạt gạo ngắn 6,3mm Khả năng phục hồi của IR42 sau khi bị nhiễm bệnh bạc lá vào tháng 9, là một ưu điểm của IR42 so với các giống khác như **IR29723**. IR42 có thể đạt số bông / m² cao hơn 400, và cho số hạt chắc /

bông > 90. Tiềm năng về năng suất lớn nhất ở vùng bán đảo Cà Mau hiện nay (4-8 tấn / ha). Hiện giống bị thoái hóa và lẫn tạp khá nhiều, hình thành nhiều quần thể rất lạ so với giống gốc, có vài quần thể hạt to (trọng lượng 1000 hạt > 28gr), năng suất rất ổn định

Giống lúa IR42 là một giống có phẩm chất trung bình, thuộc nhóm cứng cơm. Trên đất phèn bị nhiễm mặn, canh tác nhờ vào nước trời, IR42 hiện vẫn chứng tỏ là giống chủ lực, mặc dù nó bị nhiễm rầy nâu.

Bên cạnh đó, hiện nay phát sinh giống **Hàm Trâu** có nguồn gốc từ OM576, thể hiện tính thích nghi không thua gì IR42 ở vùng canh tác khó khăn này.

Giống **OM723-7** và **OM723-11** cũng được duy trì và phát triển ở Bạc Liêu và Cà Mau với đặc tính chống chịu tốt với phèn mặn, nhưng diện tích hiện đang giảm dần vì phẩm chất gạo kém.

Trước đây, giống **Mahsuri** đã được phát triển ở vùng đất phèn bị nhiễm mặn với năng suất 4 tấn / ha. Hiện vẫn còn duy trì tại Tp Hồ Chí Minh, Tây Ninh, dọc theo sông Vàm Cỏ và ven biển. Hiện nay, Viện Lúa đang khảo nghiệm **Mahsuri đột biến**, có thời gian chín sớm hơn (125-130 ngày), năng suất cao (khả năng trên 6 tấn / ha), nhưng hơi nhiễm rầy nâu.

Ngoài ra, các giống mới đang được thử nghiệm tỏ ra có triển vọng tại các vùng khó khăn, được trình bày trong bảng 6-2, sẽ là bộ giống có khả năng bổ sung rất đáng chú ý. Riêng OM1348 đang được phát triển tại vùng ven biển Bến Tre thay thế giống U17 đã thoái hóa, và nhiễm rầy nâu, bệnh h siêu vi trùng lúa cỏ khá nặng.

Bảng 6-2: Đặc tính nông học và năng suất các giống lúa trung mùa (Tri Tôn, ĐX98-98)

Stt	Tên giống	Tổ hợp lai	TGST (ngày)	Chiều cao cây (cm)	Năng suất (t/h)
1	OM 1815-5	LUá GiàU / Bẹ TúM	135.0	89.43	7.23
2	OM1849-5	OM723-11 / R68	133.3	89.83	7.03
3	OM1351-10	IR42 / PUSA44-33	135.0	92.73	7.00
4	OM1348-9	IR42 / OM736	130.0	91.50	6.63
5	OM1851-15	OM850 / OM16B	133.3	90.80	6.47
	CV%		14.5	5.18	12.3
	LSD5%		7.75	8.80	0.21

Bảng 6-3: Đặc tính nông học và năng suất các giống lúa chống chịu mặn (ĐX 1998-1999)

STT	Giống	Cao cây (cm)	TGST (ngày)	hạt/bông (hạt)	bông/bụi (bông)	dài bông (cm)	NS (t/h)
1	OM1815-5	87.90	126.00	120.00	9.00	23.30	7.40
2	OM1346-7	90.60	128.00	130.00	10.00	24.00	7.20
3	OM1849-5	89.20	127.00	158.00	10.00	23.10	7.10
4	OM1849-9	89.00	128.00	152.00	9.00	24.10	7.00
5	OM1351-10	92.70	128.00	123.00	10.00	23.30	7.00

6	OM1346-4	92.20	129.00	127.00	10.00	24.50	6.80
7	OM1348-9	89.90	127.00	124.00	10.00	24.60	6.70
8	THĐB	90.30	130.00	176.00	10.00	26.20	6.10
9	OM1348-12	89.00	129.00	170.00	8.00	22.90	4.70
10	OM1351-2	90.50	128.00	117.00	9.00	21.30	4.30

Bảng 6-4: Chất lượng xay chà của một số giống chống chịu mặn

Stt	Tên giống	% gạo lúc	% gạo trắng	% gạo nguyên	Dài hạt (mm)	Rộng hạt (mm)	Dài/rộng
1	OM1348-9	75.31	67.63	46.04	6.38	2.19	2.90
2	THĐB	75.20	61.80	26.82	6.83	2.23	2.71
3	OM1346-4	75.30	66.73	31.84	6.13	2.24	2.73
4	OM1346-7	75.28	62.65	27.35	6.91	2.19	3.14
5	OM1849-5	75.30	67.25	43.30	6.33	2.30	2.75
6	OM1348-12	75.32	69.25	44.46	6.62	2.23	2.96
7	OM1851-15	75.27	68.98	2.11	6.37	2.75	2.88
8	OM1815-5	75.36	70.50	56.31	6.39	2.14	3.23
9	OM1351-2	75.33	70.55	53.13	6.42	2.19	2.93
10	OM1849-9	75.39	63.03	25.46	6.72	2.22	3.02
11	OM1351-10	75.25	68.41	45.51	6.56	2.20	2.97

Bảng 6-5: Chất lượng cơm

Stt	Tên giống	Bạc bưng (1-9)	Độ trở hồ (1-9)	Độ bền gel (mm)	Hàm lượng Amylose (%)
1	OM1348-9	1	1-3	47	25.86
2	THĐB	5-9	6	49	26.16
3	OM1346-4	1	3	41	25.65
4	OM1346-7	5	5	47	26.55
5	OM1849-5	1-5	3	45	25.07
6	OM1348-12	1-5	3	47	25.05
7	OM1851-15	5	1	47	25.78
8	OM1815-5	1-3	1-3	48	26.16
9	OM1351-2	1	3	49	26.16
10	OM1849-9	5-9	6	49	26.70
11	OM1351-10	1	1	48	25.13
12	OM2031	1-3	3	46	24.30

Các giống lúa trung mùa được nghiên cứu khá ít, nên bộ giống trung mùa cho các tỉnh phía Nam hiện còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất rất đa dạng ở đây.

Viện Khoa Học Nông Nghiệp Miền Nam đã chọn lọc và khảo nghiệm thành công giống **VNM97-2 (MR166)**. Giống này có nguồn gốc từ bộ IIRON96 của IRRI, hình thành từ tổ hợp lai IR64/2*MR84, do các nhà khoa học của Malaysia sáng tạo ra. Giống có thời gian sinh trưởng 120-128 ngày, cao cây: 100-107 cm, số bông / m²: 187-424, số hạt chắc / bông: 66-129, trọng lượng 1000 hạt: 24-26 g. Hạt gạo dài 6,6mm, tỉ lệ D / R: 3,0 thuộc nhóm thon dài, độ bạc bụng cấp 1, độ trở hồ cấp 5 (trung bình). Giống VNM97-2 được khu vực hóa năm 1999.

Giống **FGR67** đã được công nhận giống vào năm 1997, do Viện KHNN Miền Nam chọn lọc và khảo nghiệm tại vùng phèn bị nhiễm mặn ở vùng ven tp Hồ chí Minh. Giống FGR67 cho năng suất 3-5 tấn / ha, ổn định. FGR67 có nguồn gốc từ bộ giống khảo nghiệm quốc tế của IRRI, thời gian sinh trưởng 155-160 ngày, kháng mặn cấp 1-5, phản ứng với rầy nâu cấp 5-7. Giống FGR67 có hạt gạo nhỏ, cơm dẻo, mềm, không bạc bụng.

OM1352-5

Giống lúa OM1352-5 được phát triển từ cặp lai IR42 / OM80 nhằm mục tiêu chọn tạo giống cho vùng mặn.

Thời gian sinh trưởng: 130 ngày-140 ngày.

Chiều cao cây: 100-115cm

So với IR42, THDB, và OM723-7 là những giống đã phát triển tốt trên vùng đất bị nhiễm mặn, thì OM1352-5 có đặc điểm tương đương.

Khả năng chống chịu rầy nâu và đạo ôn của OM1352-5 tốt hơn IR42

Đánh giá năng suất trong mạng lưới khảo nghiệm của Viện Lúa ĐBSCL, OM1352-5 có năng suất cao hơn IR42 có ý nghĩa về mặt thống kê.

OM1352-5 được công nhận khu vực hóa vào năm 2002

OM1348-9

Giống lúa OM1348-9 được phát triển từ tổ hợp lai IR42 / OM736 nhằm mục tiêu chọn tạo giống lúa cho vùng mặn.

Thời gian sinh trưởng 138 ngày.

Chiều cao cây: 100-120cm.

Khả năng chống chịu rầy nâu và đạo ôn của OM1348-9 tốt hơn IR42

So với IR42, THDB, và OM723-7 là những giống đã phát triển tốt trên vùng đất bị nhiễm mặn, thì OM1352-5 có đặc điểm tương đương.

Đánh giá năng suất trong mạng lưới khảo nghiệm của Viện Lúa ĐBSCL, OM1352-5 có năng suất cao hơn IR42 có ý nghĩa 5% về mặt thống kê. Nó thể hiện tính chống chịu mặn ở giai đoạn mạ tương đương với đối chứng Đốc Đò

OM1348-9 được công nhận giống quốc gia vào năm 2002 và được giải thưởng bông lúa vàng năm 2002.

OM576

Giống lúa OM576 được phát triển từ tổ hợp lai Hungary / IR48, được công nhận giống quốc gia từ năm 1990. Trong quá trình phát triển ở vùng thâm canh, nó có thời gian sinh trưởng thuộc nhóm A₂ nên bị thay thế bởi giống sớm hơn để tránh lũ. Nó đã trở thành giống phát triển rất ổn định sau hơn 15 năm tại có vùng đất có vấn đề với tên gọi Hàm Trầu, Hàm Trâu, Trâu nằm,.. tại bán đảo cà Mau và nhiều vùng ở Đông nam Bộ

OM576 có đặc điểm chống chịu khô hạn, chống chịu mặn tốt trong giai đoạn mạ và thích nghi với điều kiện canh tác không thuận lợi. Diện tích phát triển luôn luôn đứng hàng đầu trong top 10 giống chủ lực ở miền Nam trong nhiều năm qua.

Hàm lượng amylose khá cao >25%, nên cơm cứng, nhưng độ nở cơm khá, thích hợp với thị hiếu của người dân có thu nhập thấp, đông con. Hạt gạo thon, nhưng ngắn hơn 7mm, chỉ phục vụ cho thị trường nội địa.

Giống OM576 dễ canh tác, năng suất cao 6-7 tấn / ha, chống chịu rầy nâu, đạo 6on trung bình, hạt dai, khó tuốt hạt sạch. Do đó, những kỹ thuật lúc thu hoạch và sau thu hoạch cần được lưu ý để tránh hao hụt.